

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN
Năm 2019

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên giao dịch: *Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Công ty cổ phần*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: *0100101273 cấp lần đầu ngày 08/02/1993, cấp thay đổi lần thứ 30 ngày 29/06/2018.*
- Vốn điều lệ: 2.200 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.200 tỷ đồng
- Địa chỉ: 38-40 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.3826.7984
- Số fax: 024.3928.8407
- Website: www.haprogroup.vn
- Mã cổ phiếu: HTM

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc UBND Thành phố Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 129/2004/QĐ-TTg ngày 14/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án thành lập Tổng công ty và Quyết định số 125/2004/QĐ-UB ngày 11/8/2004 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Tổng công ty Thương mại Hà Nội hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Thực hiện chủ trương chung của Chính Phủ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, Tổng công ty đã tiến hành các thủ tục để cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần từ ngày 29/06/2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100101273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 30 ngày 29/06/2018.

Ngày 24/04/2018, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có thông báo về việc chính thức đưa số cổ phần trúng đấu giá tổ chức ngày 30/03/2018 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội của Tổng công ty vào giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán HTM, ngày giao dịch đầu tiên là ngày **Thứ sáu 04/05/2018**.

Ngày 14/09/2018, Tổng công ty nhận được văn bản số 6196/UBCK-GSDC của Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc trở thành công ty đại chúng.

Ngày 05/01/2019, Sở Giao dịch CK Hà nội có thông báo số 18/TB-SGDHN về ngày giao dịch đầu tiên đối với cổ phiếu đăng ký giao dịch của Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần, mã chứng khoán HTM. Ngày giao dịch chính thức là ngày 10/01/2019.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính

- Ngành nghề kinh doanh chính

+ Kinh doanh xuất nhập khẩu: Xuất khẩu một số mặt hàng nông sản, thực phẩm,... Thị trường xuất khẩu của TỔNG CÔNG TY trên 70 nước và khu vực trên thế giới trong đó có một số thị trường chính gồm: Mỹ (*gạo, hạt điều*), Đức, Pháp, Anh, Tây Ban Nha và một số nước châu Âu (*hạt điều, cà phê*), Trung Quốc, Qatar, UAE, Arabia Saudi, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Kuwait, Pakistan (*gạo, hạt điều, hạt tiêu, cơm dừa, nông sản khác*), Canada, Malaysia, Thái Lan, Singapore, Brunei, một số nước châu Phi như Senegal, Algeri, Lebanon, Angola,....

+ Thương mại nội địa: Hapro quản lý chuỗi siêu thị, cửa hàng tiện ích, cửa hàng chuyên doanh..., một số Chợ và Chợ đầu mối; Phát triển hệ thống phân phối, bán buôn, đại lý đối với các mặt hàng tiêu dùng do Tổng công ty sản xuất và phân phối; Kinh doanh hàng miễn thuế; Sản xuất chế biến Gạo và một số mặt hàng thực phẩm...; Cung cấp dịch vụ: nhà hàng ăn uống...

- Địa điểm hoạt động kinh doanh chính: tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp.

4. Những thành tích đã đạt được:

Qua hơn 15 năm hoạt động, Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần (Hapro) không chỉ khẳng định được vị thế của thương hiệu “Hapro” trong nước, trên trường Quốc tế mà còn xây dựng được hệ thống những thương hiệu con do các Công ty thành viên, Đơn vị trực thuộc xây dựng và phát triển như: Kem Thủy Tạ, Hapro Bốn mùa, Hapromart, Haprofood, Seika Mart, Gôm Chu Đậu,... đã được người tiêu dùng đón nhận, tin tưởng và yêu thích.

Hapro cũng gặt hái được nhiều giải thưởng Thương hiệu lớn:

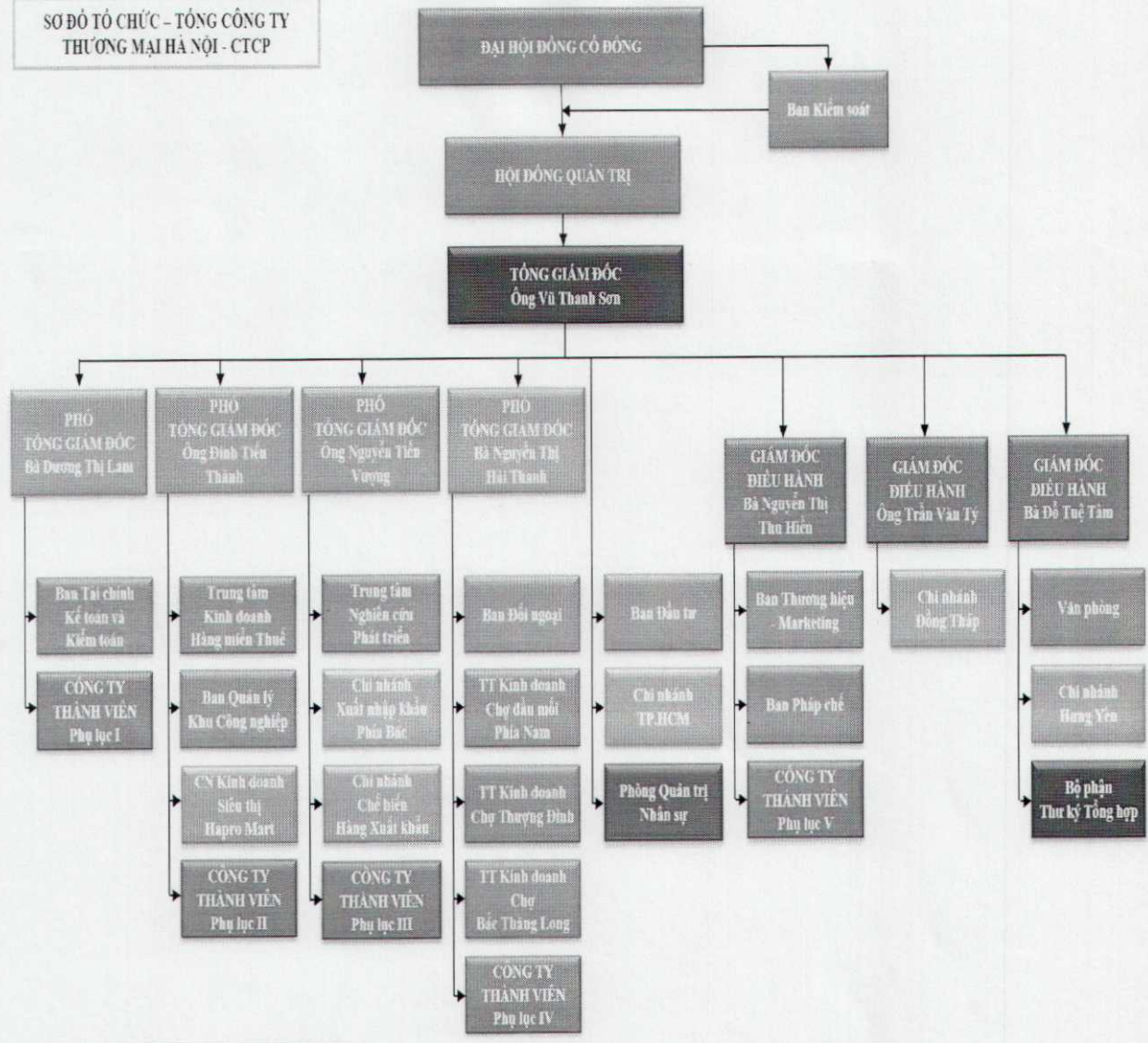
- 04 lần đạt liên tiếp đạt “Thương hiệu quốc gia”.
- 13 lần đạt giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam”.
- 11 lần đạt giải thưởng Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – VNR500.
- 12 lần đạt Danh hiệu Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín
- Bên cạnh đó là nhiều giải thưởng danh giá khác: Sao vàng đất Việt, Doanh nghiệp Thương mại – Dịch vụ xuất sắc (Vietnam Top Trade Service)

5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Tổng công ty Thương mại Hà Nội được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: được mô tả theo sơ đồ sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC - TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CTCF



Hiệu lực: Từ ngày 25/06/2018 đến ngày 31/12/2018

- Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Tổng công ty gồm có:
- ❖ **Đại Hội Đồng Cổ Đông**
 - ❖ **Hội Đồng Quản Trị:** gồm 05 thành viên trong đó có Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và 03 thành viên HĐQT
 - ❖ **Ban Kiểm Soát :** gồm 03 thành viên trong đó có Trưởng Ban Kiểm soát và 02 thành viên
 - ❖ **Ban Tổng Giám đốc:** gồm Tổng Giám đốc, 04 Phó Tổng Giám đốc trong đó có 01 Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Tổng công ty
 - ❖ **Các phòng/ban chức năng, các Đơn vị trực thuộc Tổng công ty:**
 - Các phòng/ban chức năng; gồm 10 Phòng ban chức năng
 - Đơn vị trực thuộc: gồm 10 ĐVTT
 - ❖ **Các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty:**
 Tổng công ty có đầu tư, góp vốn tại 29 Công ty/đơn vị khác, trong đó gồm:

- 10 Công ty con có vốn góp từ 51% vốn điều lệ trở lên.
- 19 Công ty/đơn vị liên doanh, liên kết.

Bảng 1: Danh sách công ty con, công ty liên doanh, liên kết

| TT | Tên công ty | Trụ sở | Hoạt động kinh Doanh | VĐL (đồng) | Tỷ lệ sở hữu của Hapro /VĐL |
|----------------------|---|--|--|-----------------|-----------------------------|
| I Công ty con | | | | | |
| 1 | Công ty CP Thủy Tạ | 1-6 Lê Thái Tổ - Phường Hàng Trống - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng... | 30.000.000.000 | 51,25% |
| 2 | Công ty CP Đầu tư TM&DV Chợ Bưởi | Chợ Bưởi - Phường Bưởi - Quận Tây Hồ - Hà Nội | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trà, gỗ, tre, nứa) và động vật sống | 32.000.000.000 | 62,00% |
| 3 | Công ty CP Gốm Chu Đậu | Thôn Chu Đậu, xã Thái Tân, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác.... | 20.000.000.000 | 51,00% |
| 4 | Công ty CP Thực phẩm Hà Nội | 24-26 Trần Nhật Duật, Hoàn Kiếm, Hà Nội | Sản xuất, phân phối các sản phẩm thực phẩm chế biến, tươi sống, hàng tiêu dùng thiết yếu,... | 145.000.000.000 | 51,57% |
| 5 | Công ty CP TMDV Tràng Thi | 12-14 Tràng Thi, P. Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | Kinh doanh thương mại, Xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh bất động sản | 135.000.000.000 | 53,33% |
| 6 | Công ty cổ phần Rượu Hapro | Khu Công nghiệp Hapro, xã Lê Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội | Sản xuất và kinh doanh cồn, rượu Vodka Hapro | 32.978.600.000 | 54,58% |
| 7 | Công ty CP XNK TCMN và DL Thương nhân Hapro | Số 11B Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | Du lịch lữ hành quốc tế, nội địa, đại lý vé máy bay..., xuất khẩu hàng hóa | 10.000.000.000 | 52,50% |
| 8 | Công ty CP Phát triển siêu thị Hà Nội | 38-40 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội | Kinh doanh siêu thị, DV nhà hàng ăn uống.. | 61.591.000.000 | 83,42% |
| 9 | Công ty CPĐTTM Hapro Đà Nẵng | Lô A1-3 Lê Văn Hiến, Phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng | Bán buôn, bán lẻ mỹ phẩm, thực phẩm, nội thất.. | 20.000.000.000 | 78,58% |
| 10 | Công ty CP Sự kiện và Âm thực Hapro | Số 172 Ngọc Khánh, Phường Giảng Võ, Q. Ba Đình, Hà Nội | Nhà hàng ăn uống, tổ chức sự kiện | 10.000.000.000 | 51,00% |

| TT | Tên công ty | Trụ sở | Hoạt động kinh Doanh | VĐL (đồng) | Tỷ lệ sở hữu của Hapro /VĐL |
|---|--|---|--|-----------------|-----------------------------|
| II Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết | | | | | |
| 1 | Công ty CP Vang Thăng Long | Số 3 ngõ 89 Lạc Long Quân, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội | Sản xuất rượu vang, sản xuất đồ uống có cồn... | 40.500.000.000 | 38,42% |
| 2 | Công ty CP PTTM Hà Nội | B21 Nam Thành Công (47 Nguyễn Hồng), P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội | KD hàng bách hóa, công nghệ phẩm, thực phẩm, bán hàng đại lý, ký gửi.. | 24.800.000.000 | 31,19% |
| 3 | Công ty CPPTTM và DL Hà Nội | Số 7 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội | KD du lịch lữ hành, nội địa, quốc tế.. | 6.000.000.000 | 40,00% |
| 4 | Công ty CP SXKD Gia súc Gia Cầm | Khu Công nghiệp Hapro, xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội | Chăn nuôi, sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm gia súc gia cầm | 47.250.000.000 | 42,33% |
| 5 | Công ty CP ĐIPT Hà tầng TM Hà Nội | Số 38-40 lê Thái Tô, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội | Hoạt động đầu tư và phát triển hệ thống hạ tầng thương mại | 40.000.000.000 | 33,42% |
| 6 | Công ty cổ phần Phân phối Hapro | Số 11C, phố Cát Linh, P. Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, Hà Nội | Trồng, chế biến, bán buôn, bán lẻ thực phẩm, hàng hóa, phân phối hàng hóa | 10.000.000.000 | 25,50% |
| 7 | Công ty cổ phần Thông tin Hapro | Số 38-40 lê Thái Tô, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội | Hoạt động dịch vụ CNTT, bán buôn, bán lẻ máy tính, linh kiện điện tử... | 10.000.000.000 | 26,77% |
| 8 | Công ty CP TM - Đầu tư Long Biên | Số 561, Đường Nguyễn Văn Linh, P. Sài Đồng, Q. Long Biên, Hà Nội | KD, XNK tư liệu sản xuất, DV du lịch lữ hành, đại lý, ký gửi, ủy thác hàng hóa. | 10.900.000.000 | 30,94% |
| 9 | Công ty CP SX chế biến XNK Điều Hapro Bình Phước | Tổ 4, ấp Thuận Hải, xã Thuận Phú, H. Đồng Phú, T. Bình Phước | Bán buôn thực phẩm.... | 50.000.000.000 | 20,00% |
| 10 | Công ty CP TMDV Thời Trang Hà Nội | Số 13, phố Đinh Lễ, P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc, may trang phục.... | 100.000.000.000 | 49,03% |
| 11 | Công ty CP DV- XNK Nông sản Hà Nội | Số 210 Nguyễn Trãi, P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân, Hà Nội | Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc, bán buôn thức ăn và các loại nguyên liệu làm thức ăn cho | 40.000.000.000 | 42,38% |

| TT | Tên công ty | Trụ sở | Hoạt động kinh Doanh | VĐL (đồng) | Tỷ lệ sở hữu của Hapro /VĐL |
|----|--|---|---|-----------------|-----------------------------|
| | | | gia súc, gia cầm... | | |
| 12 | Công ty CP LH XNK và Đầu tư Hà Nội | 41 Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, bán buôn oto và xe có động cơ.... | 200.000.000.000 | 20,15% |
| 13 | Công ty CP KDXNK An Phú Hưng | 5C/1 tổ 8 Khu phố 1A, P. An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương | Bán buôn nông, lâm sản, lá thuốc lá, Bán buôn hạt Điều thô... | 10.000.000.000 | 40,00% |
| 14 | Công ty cổ phần Nội thất Sinh thái Hapro | KCN Thực phẩm Hapro, Xã Lệ Chi, H. Gia Lâm, Hà Nội | Kinh doanh giống cây trồng, cây cảnh, lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư các công trình xây dựng... | 2.000.000.000 | 20,00% |
| 15 | Công ty cổ phần Ong Mật Hà Nội | 80 Nguyễn Chí Thanh, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội | Bán buôn thực phẩm | 5.000.000.000 | 20,00% |
| 16 | Công ty CP siêu thị VHSC (Việt Nam) | Số 8 Phạm Ngọc Thạch, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, TP Hà Nội | Kinh doanh siêu thị, thực phẩm.... | 21.000.000.000 | 35,00% |
| 17 | Công ty cổ phần Khách sạn Tràng Thi | Số 11B Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày... | 10.000.000.000 | 30,00% |
| 18 | Công ty TNHH cao ốc Á Châu | Số 6 Phố Nhà Thờ, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, TP Hà Nội | Xây dựng và kinh doanh một tòa nhà làm văn phòng cho thuê | 12.636.225.000 | 40,00% |
| 19 | Công ty CPTM Miền núi Phú Thọ | Số 68 Bạch Đằng, P. Âu Cơ, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ | Bán buôn thực phẩm, bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào, máy móc, phụ tùng máy nông nghiệp... | 5.664.620.000 | 26,99% |

6. Định hướng phát triển

Sau cổ phần hóa, xây dựng Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần là đơn vị kinh doanh Xuất nhập khẩu và thương mại nội địa có năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Nhiệm vụ cụ thể là:

- Tập trung phát triển, đẩy mạnh và nâng cao kim ngạch xuất khẩu trong toàn Tổng công ty; phấn đấu đến năm 2020, tỷ trọng doanh thu từ hoạt động kinh doanh xuất khẩu chiếm 80% tổng doanh thu của Tổng công ty. Đưa thương hiệu xuất khẩu Hapro trở thành thương hiệu quốc tế hàng đầu tại khu vực, bao trùm mọi hoạt động của Tổng công ty.

- Xây dựng thành công 05 mặt hàng xuất khẩu nằm trong 05 doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu của cả nước gồm: Gạo; Hạt điều; Hạt tiêu; Cà phê; Thực phẩm chế biến

- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của hệ thống thương mại nội địa, tiếp tục phát triển chuỗi Siêu thị, CHTI HaproMart, HaproFood và các cửa hàng chuyên doanh theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh bằng chất lượng dịch vụ và nguồn hàng hóa đa dạng, phong phú.

- Đẩy mạnh phát triển các cơ sở vệ tinh, tăng cường khả năng sản xuất, chế biến bao gồm cả hàng hóa mang thương hiệu Hapro và khai thác nguồn hàng hóa phục vụ tối đa cho nhu cầu xuất khẩu và thị trường trong nước, đặc biệt là: Hoa quả tươi, gạo, nông lâm sản, thủ công mỹ nghệ, công nghệ phẩm, thủy hải sản chế biến, công nghệ tiêu dùng,...

- Xây dựng mô hình Tổng công ty có tính gọn nhẹ tối đa, linh hoạt, hiện đại và chuyên môn hóa cao cả về công nghệ quản lý, điều kiện phương tiện làm việc và chính sách phát triển nguồn nhân lực. Tạo công ăn việc làm và bảo đảm thu nhập cho người lao động sau cổ phần hóa.

Trong những năm tới, Tổng Công ty có định hướng phát triển sản xuất kinh doanh như sau:

✓ *Tập trung đẩy mạnh kinh doanh xuất nhập khẩu:*

- Nghiên cứu, phát triển mở rộng thêm các thị trường lớn, có tiềm năng, thâm nhập sâu vào thị trường Châu Phi; phấn đấu đến năm 2020, Tổng công ty có thêm nhiều thị trường mới về xuất khẩu, mở rộng tới 80 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

- Đầu tư xây dựng một số nhà máy chế biến hàng nông sản để chủ động về nguồn hàng hóa và kiểm soát tốt chất lượng hàng hóa phục vụ xuất khẩu, đáp ứng được các đơn hàng lớn như Nhà máy chế biến hạt điều, Nhà máy chế biến hạt tiêu; Mở rộng hoạt động của Nhà máy xay sạt gạo tại Đồng Tháp...

- Nghiên cứu phát triển thêm các mặt hàng xuất khẩu mới như các mặt hàng chế biến thành phẩm, đóng gói bao bì mang thương hiệu Hapro để đưa trực tiếp vào một số chuỗi Siêu thị, Trung tâm thương mại, đại Siêu thị tại nước ngoài; Mở rộng kinh doanh nhập khẩu hàng hóa nhằm tạo nguồn hàng phong phú, đa dạng, chất lượng cho hoạt động bán buôn, bán lẻ của TỔNG CÔNG TY ở thị trường nội địa.

- Tiếp tục đào tạo lại và đào tạo mới đội ngũ cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ cao, tinh thông, giỏi nghề, năng động, sáng tạo, đủ kiến thức, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu trong môi trường cạnh tranh, hội nhập quốc tế.

✓ *Duy trì và nâng cao hiệu quả kinh doanh tại thị trường nội địa:*

- Duy trì và kinh doanh có hiệu quả các Trung tâm Thương mại, hệ thống Siêu thị, Cửa hàng tiện ích mang thương hiệu Hapromart; hệ thống các cửa hàng chuyên doanh và hệ thống các nhà hàng, cửa hàng dịch vụ ăn uống tại Hà Nội và một số tỉnh thành phía Bắc.

- Đẩy mạnh công tác nhượng quyền thương mại các thương hiệu mạnh chuyên doanh của TỔNG CÔNG TY tại các tỉnh thành trên toàn quốc.

- Kết nối với các nhà cung cấp và trở thành đại lý phân phối cho nhiều nhà sản xuất có uy tín trên Thế giới; Đẩy mạnh phát triển các cơ sở vệ tinh, tăng cường khả năng phát triển nguồn hàng trong và ngoài nước, tạo kênh hàng hóa đa chiều đặc biệt là: Hoa quả tươi,

gạo, nông lâm sản, công nghệ phẩm, thủy hải sản chế biến, hàng công nghiệp tiêu dùng.

✓ *Nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống hạ tầng thương mại:*

- Tiếp tục quy hoạch lại toàn bộ mạng lưới kinh doanh phù hợp với công năng sử dụng và chiến lược phát triển của Tổng công ty; Tăng cường rà soát, sắp xếp lại mạng lưới, đẩy mạnh khai thác nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới theo quy hoạch.

- Nghiên cứu, quy hoạch, tìm kiếm địa điểm và đề xuất Thành phố cũng như các tỉnh, thành phía Bắc tạo điều kiện về quỹ đất cho Tổng công ty để tổ chức và phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, cơ sở sản xuất vệ tinh.

✓ *Về công tác đầu tư:*

Tiếp tục tích cực đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư, sớm đưa vào khai thác, sử dụng các dự án: Dự án Khu công nghiệp Thực phẩm Hapro; dự án Khu nhà ở và Khu phụ trợ Cụm công nghiệp thực phẩm Hapro tại xã Lệ Chi, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Đồng thời tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư một số dự án: dự án Trung tâm kinh doanh Chợ Đầu mối phía Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội; Dự án Trung tâm kinh doanh Chợ Đầu mối Bắc Thăng Long, xã Hải Bối, huyện Đông Anh; Dự án TTTM Dịch vụ Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn,...

Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng để giải quyết, xử lý, sớm triển khai lại dự án đối với một số dự án hiện còn đang vướng mắc, phải tạm dừng chưa triển khai: như dự án TTTM Thượng Đình; Dự án Trung tâm thương mại và Dịch vụ Trương Định,...

✓ *Phát triển thương hiệu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp:*

- Xây dựng văn hóa Tổng công ty có bản sắc riêng biệt, tạo được sức hút đối với khách hàng và đối tác.

- Phát huy giá trị thương hiệu Hapro là thương hiệu bao trùm trong quy hoạch tổng thể các thương hiệu nhánh của Tổng công ty; đưa thương hiệu xuất khẩu Hapro trở thành thương hiệu quốc tế hàng đầu tại khu vực.

- Nâng cao tính chuyên nghiệp trong chuẩn hóa và nhận diện thương hiệu của Tổng công ty và của các Công ty thành viên, đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

✓ *Đổi mới và phát triển doanh nghiệp:*

Tiếp tục thực hiện công tác cơ cấu toàn diện hoạt động kinh doanh của các Công ty có hoạt động KD chưa hiệu quả và không phù hợp với định hướng phát triển của Tổng công ty cổ phần; cơ cấu lại bộ máy tổ chức quản lý của Công ty Mẹ và các Công ty trực thuộc, đảm bảo bộ máy tổ chức mang tính gọn nhẹ, linh hoạt, hiện đại; đa ngành và chuyên môn hóa cao.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Tổng công ty

+ Với mục tiêu hướng tới sự phát triển bền vững thông qua các công trình an toàn, thân thiện với môi trường. Đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải ở khu công nghiệp Hapro, xây dựng quy trình thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp đúng quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường; chuẩn bị đầu tư hệ thống nước thải và bảo vệ môi trường tại Chợ đầu mối phía Nam,....

+ Luôn chú trọng công tác quốc phòng an ninh, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm,

phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động tại các Trung tâm kinh doanh Chợ, các điểm kinh doanh dịch vụ ăn uống và hệ thống bán lẻ, các dự án của Tổng công ty và của các Công ty thành viên đảm bảo an toàn tuyệt đối, không để xảy ra sự cố.

+ Cùng với sự phối hợp của các tổ chức chính quyền, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Tổng công ty có Quỹ Từ thiện & Phát triển cộng đồng nhiều năm liền triển khai các hoạt động trọng tâm, mang nhiều ý nghĩa như: hỗ trợ học bổng thường xuyên cho con em CBNV có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức chương trình trung thu “Ánh trăng tuổi thơ”, hỗ trợ trẻ em khuyết tật, phối hợp với các đơn vị tổ chức chương trình từ thiện tặng quà trẻ em vùng hải đảo, hỗ trợ các em học sinh, gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại Hà Giang, Hà Tĩnh....; tổ chức hành trình tri ân tại Quảng Trị nhân dịp ngày thương binh liệt sỹ, đồng thời thăm hỏi và tặng quà các bệnh binh, các đồng chí thương binh, thân nhân gia đình liệt sỹ là CBNV Tổng công ty.

7. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty

7.1 Rủi ro trong lĩnh vực Xuất khẩu:

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty có tỷ trọng lớn đến từ mảng kinh doanh xuất khẩu hàng nông sản thực phẩm. Thời gian qua các mặt hàng xuất khẩu chủ chốt của Tổng công ty như gạo, cà phê, hạt điều, hạt tiêu... có biến động giảm giá rất lớn trên thị trường thế giới nên tiềm ẩn rủi ro làm ảnh hưởng đến kim ngạch và doanh thu. Hơn nữa chính sách nhập khẩu hàng nông sản của Chính phủ các nước cũng liên tục có những thay đổi nhất là áp dụng chính sách thuế, rào cản thương mại, thay đổi việc áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng và kiểm soát chất lượng hàng nhập khẩu cũng sẽ tác động trực tiếp và phát sinh rủi ro cho hàng hóa xuất khẩu của Tổng công ty.

7.2 Rủi ro trong lĩnh vực thương mại nội địa:

Trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, ngày càng nhiều các nhà bán lẻ nước ngoài đẩy mạnh kế hoạch mở rộng kinh doanh để từng bước chiếm lĩnh thị trường trong nước. Theo quy hoạch cả nước đến năm 2020 sẽ có khoảng 1.200 - 1.500 siêu thị, 180 trung tâm thương mại, 157 trung tâm mua sắm. Dự báo, giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng trưởng thương mại bán lẻ sẽ đạt 11,9%, quy mô thị trường khoảng 179 tỷ USD vào năm 2020, trong đó bán lẻ hiện đại sẽ chiếm trên 45% nhưng chủ yếu do các nhà bán lẻ nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh chiếm lĩnh. Do đó, mức độ cạnh tranh cao trong lĩnh vực thương mại nội địa bán lẻ là rất lớn làm ảnh hưởng đến doanh thu và tốc độ phát triển của mảng kinh doanh thương mại nội địa của Tổng công ty trong năm 2018.

II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế 6 tháng cuối năm 2018 (làm tròn số):

| TT | Các chỉ tiêu chính | Thực hiện 6 tháng 2018 | So sánh (%) | |
|----|---------------------------|------------------------------|------------------|-----------------|
| | | | KH trình ĐHCĐ | Cùng kỳ 2017 |
| 1 | Kim ngạch XK (triệu USD) | 49,8 | 91% | 115% |
| 2 | Tổng Doanh thu (tỷ đồng). | 1.428,9 | 89% | 87% |

| | | | | |
|---|---|-------------|------|------|
| | <i>Trong đó:</i> | | | |
| | - DT xuất khẩu | 1.200,3 | 96% | 122% |
| | - DT Nội địa | 228,6 | 74% | 38% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 11,3 | 94% | 147% |
| 4 | Tổng số lao động thời điểm 31/12/2018 | 547 | 96% | 101% |
| 5 | Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 10,1 | 106% | |

Với kết quả 6 tháng cuối năm 2018 như trên, kết quả kinh doanh cả năm 2018 của Tổng công ty đạt được như sau:

| TT | Các chỉ tiêu chính | Thực hiện năm 2018 | So sánh (%) | |
|----|---|--------------------|--------------------|--------------|
| | | | KH đã báo cáo ĐHCĐ | Cùng kỳ 2017 |
| 1 | Kim ngạch XK (triệu USD) | 106,9 | 93% | 122% |
| 2 | Tổng Doanh thu (tỷ đồng). | 3.507,2 | 99% | 110% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 21,73 | 106% | 160% |
| 4 | Tổng số lao động | 547 | 96% | 101% |
| 5 | Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 10,6 | 111% | 111% |

Đánh giá một số vấn đề ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh 2018:

- Trên thị trường thế giới, giá hàng nông sản xuất khẩu liên tục giảm đột nửa cuối năm 2018 tiềm ẩn rất nhiều rủi ro cho hoạt động kinh doanh xuất khẩu, các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Tổng công ty như hạt điều, hạt tiêu, cà phê đều nằm trong danh sách những mặt hàng có biến động giá giảm trên thị trường thế giới làm cho kim ngạch xuất khẩu có xu hướng giảm sút mặc dù sản lượng xuất khẩu của Tổng công ty vẫn tăng so với cùng kỳ. Đến cuối năm 2018, giá mặt hàng hạt điều đã giảm khoảng 8%, giá hạt tiêu giảm khoảng 30%, giá cà phê giảm 18% so với đầu năm 2018, trong đó mặt hàng cà phê chứng kiến mức giá giảm thấp nhất trong 12 năm qua vào tháng 9/2018.

- Thị trường nội địa và bán lẻ năm 2018 vẫn tiếp tục có sự cạnh tranh quyết liệt, nhất là mảng bán lẻ của các đơn vị trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài tham gia tại thị trường Việt Nam, thị phần bán lẻ của các DN Việt Nam vẫn tiếp tục bị các DN nước ngoài lấn lướt. Mặc dù doanh thu bán lẻ hàng hóa năm 2018 của Việt Nam tăng so với năm 2017 khoảng 12% nhưng sự tăng trưởng của các loại hình thương mại điện tử, kinh doanh online chính là những kênh bán lẻ đóng góp lớn vào tốc độ tăng trưởng chung. Với thực tế tại Tổng công ty, mảng kinh doanh nội địa vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

Với tình hình thực tế như trên, trong điều kiện sau cổ phần hóa Tổng công ty tiếp tục phải thực hiện nhiều nhiệm vụ để hoàn tất các bước cuối cùng trong quy trình cổ phần hóa chuyển đổi hoạt động sang mô hình Công ty cổ phần, Tổng công ty dù đã tập trung cố gắng đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng kết quả đạt được chưa như kế hoạch đặt ra.

2. Tổ chức và nhân sự

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty gồm có 5 thành viên:

| TT | Họ tên | Chức danh |
|----|-------------------------|---------------------------------------|
| 1 | Ông Vũ Thanh Sơn | Tổng Giám đốc |
| 2 | Ông Nguyễn Tiến Vượng | Phó Tổng giám đốc |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Hải Thanh | Phó Tổng giám đốc |
| 4 | Ông Đinh Tiến Thành | Phó Tổng giám đốc |
| 5 | Bà Dương Thị Lam | Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng |

❖ Ông Vũ Thanh Sơn - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Sinh năm: 1964
- CMND số: 012742314 do CA Hà Nội cấp ngày 22/10/2004
- Địa chỉ thường trú: Số 52 Lô C2 Khu đô thị Nam Thăng Long (Ciputra), Tây Hồ, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh quốc tế; Cử nhân Kinh tế đối ngoại
- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|---|---|
| 08/1986 - 12/1988 | Cục Vật tư – Bộ Quốc Phòng | Bộ đội |
| 01/1989- 03/1993 | Tổng Công ty XNK và Đầu tư tỉnh Hải Hưng | - Cán bộ, Phó phòng Phòng KH Kinh doanh thị trường - Giám đốc VP đại diện, Giám đốc CN TP. Hồ Chí Minh |
| 04/1993 - 7/1999 | Công ty Thương mại dịch vụ Hải Hưng phía Nam | Phó Giám đốc, Giám đốc |
| 7/1999 – 11/2001 | Sở Thương mại – Du lịch tỉnh Hải Dương | Phó Giám đốc |
| 12/2001-8/2004 | Công ty SX-DV và XNK Nam Hà Nội (nay là Tổng Công ty TM Hà Nội) | Phó Giám đốc |
| 9/2004 - 12/2006 | Tổng Công ty TM Hà Nội | Phó Tổng Giám đốc |
| 01/2007 - 11/2007 | Tổng Công ty TM Hà Nội | UV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc |
| 12/2007 - 12/2010 | Tổng Công ty TM Hà Nội | UV HĐQT, Tổng Giám đốc |
| 01/2011 - 7/2017 | Tổng Công ty TM Hà Nội | Thành viên HĐTV, Tổng Giám đốc |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|---------------------------------------|--------------------------------|
| 07/2017 - 06/2018 | Tổng Công ty TM Hà Nội | Phụ trách HĐQT, Tổng Giám đốc |
| 7/2018 - Nay | Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,001% vốn điều lệ của Tổng công ty.
 - Sở hữu đại diện: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có

❖ **Ông Nguyễn Tiến Vượng – Phó Tổng Giám đốc**

- Sinh năm: 1960
- CMND số: 010271139 Ngày cấp: 20/11/2007 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Nhà B8 ngõ 67 Văn Cao, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-----------------|--|---|
| 9/1982-6/1985 | Đơn vị C10-D3-E46-F326-Quân khu II, Quân đội nhân dân Việt Nam | Trung sỹ, tiểu đội trưởng |
| 12/1985-11/1995 | Công ty Dịch vụ Ngoại thương | Cán bộ kinh doanh |
| 12/1995-01/1999 | Công ty TM&DV Tổng hợp Hà Nội | Phó phòng, Phó phòng phụ trách Kinh doanh |
| 02/1999-01/2000 | Công ty TM&DV Tổng hợp Hà Nội | Trưởng phòng Kinh doanh |
| 02/2000-4/2003 | Công ty TM&DV Tổng hợp Hà Nội | Cửa hàng trưởng Cửa hàng Miễn thuế Ngoại giao đoàn |
| 5/2003-5/2005 | Công ty TM&DV Tổng hợp Hà Nội | Phó Giám đốc |
| 6/2005-4/2007 | Tổng công ty Thương mại Hà Nội | Giám đốc Trung tâm KD hàng Miễn Thuế |
| 4/2007-02/2009 | Tổng công ty Thương mại Hà Nội | UV HĐQT, Giám đốc ĐH khối TMQT TCT kiêm Giám đốc Trung tâm KD hàng miễn thuế Hà Nội |
| 03/2009-11/2010 | Tổng công ty Thương mại Hà Nội | UV HĐQT, Phó Tổng giám đốc |
| 12/2010-6/2018 | Tổng công ty Thương mại Hà Nội | Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|--------------|---------------------------------------|--------------------------------|
| 7/2018 - Nay | Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP | Phó Tổng giám đốc |
| 4/2015 - Nay | Công ty CP Thực phẩm Hà Nội | Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ của Tổng công ty
 - Sở hữu đại diện: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có

❖ **Ông Đinh Tiến Thành – Phó Tổng Giám đốc**

- Sinh năm: 1971
- CMND số: 011417043 Ngày cấp: 02/11/2005 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 1B Lê Hồng Phong, phường Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------|--|---|
| 2/1993 - 7/1993 | Công ty DV TM Phương Mai | Trưởng Bộ phận bán hàng |
| 8/1993 - 01/1994 | Công ty DV TM Vạn Đạt | Giám sát KD |
| 2/1994 - 9/1998 | Công ty LD Nhà máy Bia VN | Giám sát KD khu vực |
| 10/1998 – 4/2006 | Công ty LD Nhà máy bia Hà Tây | Giám đốc KD khu vực |
| 5/2006 – 9/2007 | Công ty TNHH Bia và nước giải khát quốc tế | Giám đốc PT KD kiêm Giám đốc PT dự án |
| 10/2007- 9/2009 | Công ty TNHH Bia và nước giải khát quốc tế | Giám đốc PT KD kiêm Giám đốc KD vùng |
| 10/2009 – 2/2016 | Công ty TNHH Bia và nước giải khát quốc tế | Giám đốc KD và thành viên Ban Điều hành Công ty |
| 3/2016 – 3/2018 | Công ty CP Intimex Việt Nam | Tổng giám đốc |
| 4/2018 – 6/2018 | CTCP Tập đoàn BRG | Phó Giám đốc Khối bán lẻ |
| 7/2018 - Nay | Tổng Công ty TM Hà Nội – CTCP | Phó Tổng Giám đốc |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Tổng công ty.
 - Sở hữu đại diện: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có

❖ **Bà Dương Thị Lam – Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng**

- Sinh năm: 1977

- CMND số: 013590082 Ngày cấp: 15/9/2012 Nơi cấp: CA Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 25 phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng.
- Quá trình công tác:

| <i>Thời gian</i> | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|------------------|---|---------------------------------------|
| 9/1999 - 4/2001 | Công ty TM&SX hàng XK Ngân Anh | Kế toán tổng hợp Kế toán trưởng |
| 5/2001 - 6/2005 | Công ty Sở hữu trí tuệ Banca | Kế toán trưởng |
| 7/2005 - 7/2008 | Công ty Kiểm toán VN | Kiểm toán viên |
| 8/2008 - 8/2009 | Công ty TNHH Nhà máy bia Châu Á Thái Bình Dương | Kiểm toán viên nội bộ |
| 9/2009 - 3/2014 | Công ty TNHH Mazars VN | Kiểm toán viên |
| 4/2014 - 4/2015 | Vingroup | Kế toán trưởng |
| 5/2015 - 6/2018 | Công ty CP Thăng Long GTC | Phó Tổng giám đốc - Kế toán trưởng |
| 7/2018 - Nay | Tổng công ty Thương mại Hà Nội – CTCP | Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổng công ty:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ của Tổng công ty.
 - Sở hữu đại diện: Không có
 - Sở hữu của người có liên quan: Không có

- Những thay đổi trong ban điều hành:

Sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Tổng công ty cổ phần vào tháng 7/2018, HĐQT đã bổ nhiệm các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

❖ *Tổng số lao động của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 536 người (chưa bao gồm các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát). Trong đó:*

| Tiêu chí | Số lượng |
|--|-----------------|
| I. Phân theo giới tính | |
| - Lao động Nam | 231 |
| - Lao động Nữ | 305 |
| II. Phân theo trình độ chuyên môn | |

| Tiêu chí | Số lượng |
|------------------------------|----------|
| - Từ Đại học trở lên | 319 |
| - Cao đẳng, Trung cấp | 62 |
| - Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật | 13 |
| - Lao động phổ thông và khác | 142 |

❖ **Tóm tắt chính sách đối với người lao động.**

- Chế độ làm việc: Số giờ làm việc không quá 48 giờ trong một tuần. Người lao động được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động trong suốt thời gian làm việc theo quy định của pháp luật. Phụ cấp tiền ăn không quá 30.000 đồng/ngày/người tùy theo từng đơn vị, khu vực.

- Chính sách lương: Tổng công ty thực hiện chính sách trả lương, nâng lương theo quy định của Luật lao động và quy định cụ thể của Tổng công ty.

- Chính sách khen thưởng: Tổng công ty sẽ khen thưởng hoàn thành kế hoạch, thưởng sơ kết, tổng kết, thưởng nhân các ngày lễ - tết, thưởng đột xuất cho cán bộ nhân viên có thành tích xuất sắc trong quá trình sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào thời gian làm việc trong năm và kết quả kinh doanh của Tổng công ty.

- Chế độ phúc lợi: Tổng công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, kinh phí công đoàn, chế độ nghỉ phép cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định của pháp luật. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, phối hợp với Công đoàn tổ chức cho người lao động được tham quan du lịch.

- Chính sách đào tạo: Tổng công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động. Về đào tạo về quản lý, Tổng công ty thuê/phối hợp các trường Đại học, Trung tâm đào tạo để tổ chức các chương trình đào tạo cho các cấp quản lý.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Dự án Điểm đỗ xe 1,4 ha Hải Bối, xã Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội:

+ Đã có Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 06/3/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án xây dựng điểm đỗ xe Hải Bối, huyện Đông Anh, Hà Nội; Quyết định chủ trương Đầu tư điều chỉnh số 1784/QĐ-UBND ngày 12/4/2018

+ Đã hoàn thiện hồ sơ, tiến hành các thủ tục đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đối với dự án;

+ Đã hoàn tất việc cắm mốc giới ngoài thực địa. Hiện đang phối hợp với chi nhánh phát triển quỹ đất Đông Anh để thực hiện công tác hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

3.2 Dự án Trung tâm phân phối và mua sắm Hà Nội - xã Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội:

+ Đã có quyết định số 2849/QĐ-UBND của UBND TP ngày 02/6/2016 v/v Quyết định chủ trương đầu tư dự án “Trung tâm phân phối và mua sắm HN”.

+ Đã hoàn thiện hồ sơ, tiến hành các thủ tục đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2019 đối với dự án;

+ Đang thực hiện một số công việc chuẩn bị đầu tư tiếp theo.

3.3 Dự án Trung tâm Thương mại DVTH Sóc Sơn, tại xã Phù Linh và thị trấn Sóc Sơn, HN:

+ Công tác chuẩn bị đầu tư của dự án cơ bản đã xong, tuy nhiên Tổng công ty vẫn đang giải quyết một số vướng mắc liên quan đến đường ống xăng dầu quân đội và đường cống thoát nước chạy ngang qua khu đất dự án theo chỉ đạo của UBND Thành phố và hướng dẫn của các sở ban ngành, sau đó sẽ thực hiện điều chỉnh một số nội dung liên quan đến sử dụng đất của dự án.

3.4 Dự án tại Chợ Đầu mối phía Nam:

+ Đang nghiên cứu ý tưởng để triển khai thực hiện dự án.

3.5 Dự án Trung tâm thương mại và Dịch vụ Trương Định tại số 106 Nguyễn An Ninh, phường Trương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội:

+ Đã xây dựng xong phần thô tầng 4;

+ Hiện đang tạm dừng xây dựng để thực hiện các thủ tục điều chỉnh dự án: Trong năm 2018, dự án đã được cấp giấy phép Quy hoạch số 6959/GPQH ngày 12/11/2018 của sở QHKT; Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 74/XNKHMT-UBND ngày 03/12/2018 của UBND quận Hoàng Mai; Văn bản số 7878/QHKT-TMB-PAKT (P2) ngày 20/12/2018 của Sở QHKT Hà Nội về việc chấp thuận Tổng mặt bằng và phương án kiến trúc; Kiểm định chất lượng hiện trạng công trình.

Hiện nay, Tổng công ty thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần đang thực hiện các công việc thẩm duyệt hồ sơ thiết kế PCCC, lập hồ sơ thiết kế, dự toán điều chỉnh của dự án, chuẩn bị xin phép xây dựng để khởi công lại dự án.

3.6 Dự án Trung tâm Thương mại và Dịch vụ tổng hợp số 5 Lê Duẩn, Ba Đình, Hà Nội:

+ Dự án đã xây dựng xong phần thô tầng 16, đang triển khai thi công cơ điện, hoàn thiện công trình;

3.7 Dự án: Khu nhà ở và khu phụ trợ Cụm CNTP Hapro, Xã Lê Chi, xã Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội

+ Đã xây dựng xong hạ tầng kỹ thuật, cấp điện, cấp nước và xây dựng móng xong 189 căn nhà ở biệt thự và nhà ở chuyên gia tại khu nhà ở

+ Hiện nay, Tổng công ty đang nghiên cứu để hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của Dự án.

4. Bảng tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết:

| STT | Công ty con | Nơi đăng ký hoạt động | Tỷ lệ vốn nắm giữ | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động chính | Tổng Doanh thu năm 2018 | Lợi nhuận trước thuế năm 2018 | Ghi chú |
|-----|---|-----------------------|-------------------|------------------------|--|-------------------------|-------------------------------|---------|
| 1 | Công ty Cổ phần phát triển siêu thị Hà Nội | Hà Nội | 83,42% | 83,42% | Kinh doanh siêu thị, dịch vụ nhà hàng ăn uống... | 43.963.475.215 | (1.092.677.222) | |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư TM Hapro Đà Nẵng | Đà Nẵng | 78,58% | 78,58% | Bán buôn, bán lẻ mỹ phẩm, thực phẩm, nội thất... | 2.280.853.685 | (1.342.212.510) | |
| 3 | Công ty Cổ phần ĐTTM & Dịch vụ Chợ Bưởi | Hà Nội | 62,00% | 62,00% | Bán buôn nông Lâm sản (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống... | 5.975.240.760 | (4.367.815.595) | |
| 4 | Công ty Cổ phần Rượu Hapro | Hà Nội | 54,58% | 54,58% | Sản xuất kinh doanh cồn, rượu | 727.116.424 | (456.704.979) | |
| 5 | Công ty Cổ phần thương mại DV Trang Thi | Hà Nội | 53,33% | 53,33% | Kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu, bất động sản | 286.530.412.680 | 6.319.526.259 | |
| 6 | Công ty Cổ phần XNK thủ công mỹ nghệ và du lịch thương nhân Hapro | Hà Nội | 52,50% | 52,50% | Du lịch lễ hành quốc tế, nội địa; Đại lý vé máy bay, Xuất khẩu hàng hóa. | 26.349.829.660 | 204.903.902 | |
| 7 | Công ty Cổ phần thực phẩm Hà Nội | Hà Nội | 51,57% | 51,57% | Sản xuất phân phối các sản phẩm thực phẩm chế biến, tươi sống, hàng tiêu dùng thiết yếu... | 193.745.069.694 | 4.383.614.130 | |
| 8 | Công ty Cổ phần Thủy Tạ | Hà Nội | 51,25% | 51,25% | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.... | 102.669.250.521 | 2.927.693.618 | |
| 9 | Công ty Cổ phần Gốm Chu Đậu | Hà Nội | 51,00% | 51,00% | Sản xuất sản phẩm gốm sứ... | 57.094.020.381 | 7.201.350.828 | |
| 10 | Công ty Cổ phần Sự kiện và âm thanh Hapro | Hà Nội | 51,00% | 51,00% | Nhà hàng ăn uống, tổ chức sự kiện | 28.153.625.396 | (3.336.693.636) | |

| STT | Công ty liên kết | Nơi đăng ký hoạt động | Tỷ lệ vốn nắm giữ | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động chính | Tổng Doanh thu năm 2018 | Lợi nhuận trước thuế năm 2018 | Ghi chú |
|-----|---|-----------------------|-------------------|------------------------|--|-------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Vang Thăng Long | Hà Nội | 38,42% | 38,42% | Sản xuất rượu vang, đồ uống có cồn... | 54.091.857.268 | 9.017.799.257 | |
| 2 | Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Hà Nội | Hà Nội | 31,19% | 31,19% | Kinh doanh bách hóa, công nghệ phẩm, thực phẩm bán hàng đại lý, ký gửi... | 16.012.176.624 | 1.808.436.940 | |
| 3 | Công ty Cổ phần SXKD Gia súc Gia cầm | Hà Nội | 42,33% | 42,33% | Chăn nuôi, sản xuất, chế biến và kinh doanh các sản phẩm gia súc, gia cầm | 3.117.075.628 | (1.782.419.677) | |
| 4 | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Thương mại Hà Nội | Hà Nội | 33,42% | 33,42% | Đầu tư và phát triển hệ thống hạ tầng thương mại | 30.810.545.171 | 354.620.349 | |
| 5 | Công ty Cổ phần KD XNK An Phú Hưng | Bình Dương | 40,00% | 40,00% | Bán buôn nông, lâm sản, lá thuốc lá; Bán buôn hạt điều thô.... | | | Đơn vị tạm ngừng kinh doanh |
| 6 | Công ty Cổ phần Phân phối Hapro | Hà Nội | 25,00% | 25,00% | Trồng, chế biến, bán buôn, bán lẻ thực phẩm, hàng hóa, phân phối hàng hóa. | 69.816.933.247 | (4.634.816.841) | |
| 7 | Công ty Cổ phần thông tin Hapro | Hà Nội | 26,77% | 26,77% | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin; Bán buôn bán lẻ máy tính, linh kiện điện tử... | 8.685.551.119 | 215.258.549 | |
| 8 | Công ty Cổ phần Thương mại Miền núi Phú Thọ | Phú Thọ | 26,99% | 26,99% | Bán buôn thực phẩm; Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào, máy móc, phụ tùng máy nông nghiệp... | 3.376.100.745 | 17.391.282 | |
| 9 | Công ty Cổ phần Thương mại Dầu tư Long Biên | Hà Nội | 30,94% | 30,94% | Kinh doanh, xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất; Dịch vụ du lịch, lữ hành; Đại lý, ký gửi, ủy thác hàng hóa. | 165.329.305.349 | 3.484.034.965 | |
| 10 | Công ty Cổ phần SX Chế biến XNK Điều Hapro Bình Phước | Bình Phước | 20,00% | 20,00% | Bán buôn thực phẩm | 91.476.130.266 | (20.777.967.823) | |
| 11 | Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC (Việt Nam) | Hà Nội | 35,00% | 35,00% | Kinh doanh siêu thị, thực phẩm... | 122.910.327.713 | (2.063.102.206) | |
| 12 | Công ty TNHH Cao ốc á Châu | Hà Nội | 40,00% | 40,00% | Xây dựng và kinh doanh một tòa nhà làm văn phòng cho thuê | 18.899.526.924 | 5.597.566.138 | |
| 13 | Công ty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang Hà Nội | Hà Nội | 49,03% | 49,03% | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc, may trang phục... | 137.808.966.493 | 8.974.380.497 | |

| STT | Công ty liên kết | Nơi đăng ký hoạt động | Tỷ lệ vốn nắm giữ | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Hoạt động chính | Tổng Doanh thu năm 2018 | Lợi nhuận trước thuế năm 2018 | Ghi chú |
|-----|---|-----------------------|-------------------|------------------------|---|-------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| 14 | Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất nhập khẩu Nông sản Hà Nội | Hà Nội | 42,38% | 42,38% | Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc, nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm... | 18.806.683.415 | 4.405.210.637 | |
| 15 | Công ty Cổ phần Liên hiệp Xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Nội | Hà Nội | 20,15% | 20,15% | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, bán buôn ô tô và xe có động cơ... | 98.290.189.642 | 2.155.411.992 | |
| 16 | Công ty Cổ phần Ong Mật Hà Nội | Hà Nội | 20,00% | 20,00% | Bán buôn thực phẩm | 44.578.597.312 | (2.403.748.810) | |
| 17 | Công ty Cổ phần Khách sạn Tràng Thi | Hà Nội | 30,00% | 30,00% | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày... | - | (349.632.621) | |
| 18 | Công ty CP Phát triển thương mại và Du lịch Hà Nội | Hà Nội | 40,00% | 40,00% | Kinh doanh du lịch, lữ hành nội địa, quốc tế... | | | Đơn vị tạm ngừng kinh doanh |
| 19 | Công ty Cổ phần Nội thất sinh thái Hapro | Hà Nội | 20,00% | 20,00% | Kinh doanh giống cây trồng, cây cảnh; Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư các công trình xây dựng... | 6.230.996.089 | 121.001.511 | |

5. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

| Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i> | Năm/Year X – 1 (Năm 2017) | Năm/Year X (29/6/2018- 31/12/2018) | % tăng giảm/ % <i>change</i> |
|---|---------------------------------|---|---------------------------------|
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i> | | | |
| Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i> | 3.667.482.467.490 | 3.646.874.885.674 | |
| Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i> | 3.180.185.860.978 | 1.427.972.997.655 | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ | 15.094.559.954 | 11.206.721.302 | |
| Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i> | (933.288.060) | 78.071.302 | |
| Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i> | 14.161.271.894 | 11.284.792.604 | |
| Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i> | 13.991.375.202 | 9.581.435.300 | |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> | 0 | | |
| * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i> | | | |
| Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i> | | | |
| Doanh thu/ <i>Revenue</i> | | | |
| Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i> | | | |
| Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i> | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i> | | | |

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures:* (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ)

kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

| Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i> | Năm/Year 2017 | Năm/Year 6 tháng cuối 2018 | Ghi chú/Note |
|---|-----------------------------|----------------------------------|--------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : | 1,27 | 1,27 | |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) | | | |
| + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : | 1,22 | 1,18 | |
| <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> <i>Short term Asset - Inventories</i> | | | |
| Nợ ngắn hạn <i>Short term Debt</i> | | | |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) | 40,92% | 39,41% | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>) | 69,28% | 65,04% | |
| Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i> | 6 tháng đầu 2018 | 6 tháng cuối 2018 | |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : | 13,8 | 8,23 | |
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>) | 0,57 | 0,39 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i> | | | |

| | | | |
|--|--------------|--------------|--|
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>) | 0,5% | 0,67% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>) | 0,48% | 0,43% | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>) | 0,28% | 0,26% | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>) | 0,41% | 0,78% | |

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Công ty cổ phần

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 220.000.000 cổ phiếu

- Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành: 2.200.000.000.000 đồng. Trong đó:

* Tổng số cổ phiếu được đăng ký giao dịch: 219.423.306 cổ phiếu, gồm có:

+ Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 76.229.506 cổ phiếu (chiếm 34,74% CK đăng ký).

+ Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện (hạn chế chuyển nhượng): 143.193.800 cổ phiếu (chiếm 65,26% CK đăng ký).

* Số cổ phiếu chưa được đăng ký giao dịch: 576.694 cổ phiếu, là cổ phiếu chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông

| STT | Tên cổ đông | Số CP sở hữu | Giá trị | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|--------------------------------------|--------------|-------------------|--------------|
| 1 | Công ty TNHH Motor N.A Việt Nam | 143,000,000 | 1,430,000,000,000 | 65% |
| 2 | Công ty TNHH TM ô tô Thành Công | 27,578,125 | 275,781,250 | 12,53% |
| 3 | Công ty TNHH TM Đầu tư và XNK An Phú | 31,870,922 | 318,709,220 | 14,48% |
| 4 | Cổ đông khác | 17,550,953 | 175,509,530 | 7,99% |

| | | | | |
|--|------------------|--------------------|--------------------------|-------------|
| | Tổng cộng | 220,000,000 | 2,200,000,000,000 | 100% |
|--|------------------|--------------------|--------------------------|-------------|

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

7.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Tuân thủ đầy đủ, chưa bị xử phạt lần nào

7.2. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Luôn quan tâm xây dựng môi trường lao động an toàn, đảm bảo để Người lao động làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động và quan tâm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, chế độ nghỉ phép và các chế độ phúc lợi khác như khám sức khỏe, tổ chức tham quan, nghỉ mát hàng năm, cho người lao động.

- Có chính sách ưu đãi về mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Công tác đào tạo cho người lao động luôn được Tổng công ty chú trọng quan tâm. Trong năm 2018, Tổng công ty thường xuyên liên kết/phối hợp với các đơn vị đào tạo để tổ chức các chương trình đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động như tập huấn về luật lao động, bảo hiểm xã hội, nghiệp vụ xuất nhập khẩu, tập huấn sử dụng phần mềm Ds-Mart.....

7.2. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Từ khi thành lập và phát triển, Tổng công ty Thương mại Hà Nội- CTCP luôn nhận thức rõ vai trò của doanh nghiệp với cộng đồng xã hội và môi trường. Tổng công ty chủ động thực hiện công tác an sinh xã hội tại địa phương thông qua Quỹ từ thiện và phát triển cộng đồng của Tổng công ty như: hỗ trợ học bổng cho một số sinh viên đại học có thành tích xuất sắc, hỗ trợ trẻ em khuyết tật, thăm hỏi và tặng quà các bệnh binh, các đồng chí thương binh, thân nhân gia đình liệt sỹ, tặng quà gia đình khó khăn của một số quận huyện dịp Tết là CBNV Tổng công ty.

- Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| TT | Các chỉ tiêu chính | Thực hiện năm 2018 | So sánh (%) | |
|----|---|--------------------|--------------------|--------------|
| | | | KH đã báo cáo ĐHCĐ | Cùng kỳ 2017 |
| 1 | Kim ngạch XK (triệu USD) | 106,9 | 93% | 122% |
| 2 | Tổng Doanh thu (tỷ đồng). | 3.507,2 | 99% | 110% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng) | 21,73 | 106% | 160% |
| 4 | Tổng số lao động | 547 | 96% | 101% |
| 5 | Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 10,6 | 111% | 111% |

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản tại 31/12/2018 là 3.646,8 tỷ đồng tương đương giá trị tài sản tại 31/12/2017. Một số điều chỉnh nhỏ do tại BCTC 31/12/2018, Tổng Công ty thực hiện loại trừ triệt để các khoản phải thu, phải trả nội bộ, theo đó tổng nợ phải thu và phải trả đều giảm khoảng 0.57% giá trị.

b) Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

Trong cơ cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm 39,4%, tương đương 1.437,2 tỷ đồng. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cuối năm 2017 là 69,28% và tại 31/12/2018 là 65,04%. Hệ số nợ trên tổng tài sản cuối năm 2017 là 40,92% và tại 31/12/2018 là 39,41%. Theo các chỉ số này, TỔNG CÔNG TY đã có những thay đổi tích cực về tình hình tài chính, đã nâng cao được khả năng chủ động về vốn và kiểm soát công nợ tốt hơn đầu năm.

Thanh khoản của Tổng công ty duy trì ở mức đảm bảo khả năng thanh toán nợ nhanh và nợ ngắn hạn.

4. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2019:

4.1. Ban Điều hành Giao kế hoạch Ngân sách, kế hoạch SXKD năm 2019 theo phương thức xây dựng kế hoạch một cách chi tiết, cho từng bộ phận, từng đơn vị, từng địa điểm kinh doanh, từng ngành hàng hoặc lĩnh vực kinh doanh cụ thể và năm 2019 kết quả KD chung của toàn Tổng công ty có sự bứt phá với trọng tâm là chỉ tiêu lợi nhuận.

4.2. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp lý làm cơ sở cho công tác quản lý điều hành chung có hiệu quả tại Tổng công ty theo yêu cầu chung. Tái cơ cấu bộ máy quản lý điều hành tạo sự bứt phá cho hoạt động kinh doanh sau CPH.

4.3. Tập trung thúc đẩy các hoạt động kinh doanh thương mại nội địa, nâng cao hiệu quả kinh doanh, rà soát xây dựng mô hình kinh doanh phát triển theo chuỗi trên cơ sở hệ thống địa điểm kinh doanh và lĩnh vực kinh doanh chính Tổng công ty đang thực hiện. Tiếp tục triển khai căn chỉnh, xây dựng và triển khai phương án đổi mới hoạt động kinh doanh thương mại bán lẻ, thực hiện tái cơ cấu hệ thống. Căn chỉnh hệ thống hình ảnh và nhận diện các địa điểm bán lẻ

của Tổng công ty, quan tâm đến việc phát triển mảng kinh doanh online.

4.4. Tăng cường và thúc đẩy xuất khẩu: Tiếp tục thực hiện các giải pháp để tạo sự bứt phá mạnh mẽ cho mảng kinh doanh xuất khẩu: nâng cao kim ngạch xuất khẩu, mở rộng thị trường, phát triển thêm các mặt hàng xuất khẩu mới, nâng hiệu quả lợi nhuận xuất khẩu và đảm bảo an toàn nguồn vốn.

4.5. Tái cơ cấu toàn diện hoạt động SXKD của Tổng công ty.

4.6. Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình XTTM với đối tác trong nước và ngoài nước để thúc đẩy kinh doanh nhất là kinh doanh xuất khẩu. Quảng bá, truyền thông thương hiệu của HaproExport, Hapromart.

4.7. Làm tốt công tác quản lý mạng lưới, công tác rà soát các dự án đầu tư để từ đó xây dựng phương án đầu tư có hiệu quả gắn với phát triển các ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).

Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

Tổng công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm về môi trường và xã hội

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

Hoạt động của Tổng công ty không tiêu thụ lớn nước, năng lượng và rác thải. Hơn nữa trong quá trình hoạt động Tổng công ty luôn có ý thức tiết kiệm nước, năng lượng khác.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Review concerning the problems of workers*

Người lao động được quan tâm và Tổng công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách liên quan đến người lao động yên tâm công tác và cống hiến.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

Tổng công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

Tổng công ty đã triển khai hoạt động đồng đều trên các mặt công tác, đảm bảo vừa hoàn thành đúng tiến độ công tác chuyển đổi bản giao Công ty nhà nước sang Công ty cổ phần vừa thực hiện tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ trách nhiệm môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance

Tổng Công ty bắt đầu hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 29/6/2018, HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Tổng Giám đốc và Ban điều hành các cấp trong quá trình thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2018 đã đề ra của Tổng Công ty.

Để có con số ấn tượng trong kết quả kinh doanh năm qua là sự cố gắng không biết mệt mỏi của Ban điều hành, với tất cả năng lực, sự đoàn kết, tuân thủ nghiêm túc chủ trương của Hội đồng quản trị. Các quyết sách của Hội đồng quản trị được Ban điều hành triển khai quyết liệt nhưng thận trọng, chắc chắn. Kết quả này đã tiếp tục duy trì và củng cố được lòng tin từ đối tác, khách hàng, cổ đông. Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, tạo được hiệu ứng làm việc sôi nổi. Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành, sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên Tổng Công ty sẽ đạt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó, từng bước chinh phục các thị trường mới trong nước, các thị trường khó tính trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phức tạp.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

- Tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp lý làm cơ sở cho công tác quản lý điều hành chung có hiệu quả tại Tổng công ty theo yêu cầu chung. Chỉ đạo tái cơ cấu bộ máy quản lý điều hành tạo sự bứt phá cho hoạt động kinh doanh sau CPH.

- Giám sát Ban Điều hành việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 theo từng tháng, quý đảm bảo để thực hiện đạt kết quả kế hoạch 2019 đã đặt ra.

- Chỉ đạo việc đánh giá, xem xét kết quả kinh doanh của từng địa điểm kinh doanh; xây dựng Quy hoạch mạng lưới kinh doanh phù hợp với từng địa điểm và đảm bảo hiệu quả kinh doanh, hiệu quả công tác quản lý mạng lưới. Xem xét để triển khai một số chuỗi CH kinh doanh trên cơ sở mạng lưới kinh doanh bán lẻ có hiệu quả cao hơn.

- Tiếp tục triển khai căn chỉnh, xây dựng và triển khai phương án đổi mới hoạt động kinh doanh Hapromart theo hướng tiếp tục mở rộng và phát triển chuỗi với các Siêu thị lớn từ 500m² trở lên, xem xét những địa điểm CHTI Hapromart không hiệu quả và quy mô quá nhỏ sẽ chuyển đổi mô hình.

- Tăng cường và thúc đẩy xuất khẩu: Tiếp tục thực hiện các giải pháp để tạo sự bứt phá mạnh mẽ cho mảng kinh doanh xuất khẩu: nâng cao kim ngạch xuất khẩu, mở rộng thị trường, phát triển thêm các mặt hàng xuất khẩu mới, nâng hiệu quả lợi nhuận xuất khẩu và đảm bảo an toàn nguồn vốn. Xem xét để đầu tư một số Nhà máy sản xuất chế biến hàng xuất khẩu gắn với hoạt động XK chính của Tổng công ty như Nhà máy gạo, Nhà máy chế biến hạt điều, Nhà máy chế biến hạt tiêu,...

- Tiến hành tái cơ cấu toàn diện hoạt động SXKD của Tổng công ty

- Rà soát và tập trung công tác đầu tư một số dự án lớn của Tổng công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Tổng công ty gồm 05 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra gồm có:

| TT | Họ và tên | Chức danh | Số lượng cổ phần đại diện và sở hữu (CP) | Ghi chú |
|----|-------------------------|------------------------------------|--|---------|
| 1. | Bà Nguyễn Thị Nga | Chủ tịch HĐQT | 0 | |
| 2. | Bà Nguyễn Thị Thu Hằng | Phó Chủ tịch HĐQT | 0 | |
| 3. | Ông Trần Anh Tuấn | Thành viên HĐQT | 0 | |
| 4. | Ông Vũ Thanh Sơn | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 3.000 | |
| 5. | Bà Trần Thị Tuyết Nhung | Thành viên HĐQT | 0 | |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

Tổng công ty không thành lập Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị Tổng công ty

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

- Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT thực hiện công tác chỉ đạo các hoạt động của Tổng Công ty thông qua các việc ban hành các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT với tổng số **15 Nghị quyết và 118 Quyết định**. Trong đó có **21 Quyết định** thành lập các Phòng ban, Chi nhánh, Trung tâm, ĐVTT và **64 Quyết định** bổ nhiệm cán bộ cấp Trưởng, Phó các Phòng ban quản lý, Ban Giám đốc và TP Kế toán các Chi nhánh Trung tâm ĐVTT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều sát với tình hình thực tiễn của Tổng công ty.

- HĐQT đã tiến hành họp định kỳ theo đúng quy định điều lệ, họp bất thường theo yêu cầu xử lý công việc và đã tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 01 lần về nội dung bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

- HĐQT đã ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty, ban hành **11 Quy chế** tổ chức và hoạt động của các ĐVTT và 01 Quy chế về quản lý sử dụng con dấu làm cơ sở cho hoạt động của Tổng công ty sau cổ phần hóa.

- Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành, Ban Kiểm soát trong việc xử lý các công việc quan trọng của Tổng Công ty, tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện

tốt công tác kiểm soát tại Tổng công ty và hỗ trợ tích cực Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý điều hành, nỗ lực hoàn thành mục tiêu chung của Tổng công ty.

- HĐQT tiếp tục phối hợp chặt chẽ, chỉ đạo Ban Điều hành Tổng công ty tạo điều kiện cho hoạt động của Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên và Quỹ TT và PTCD Tổng công ty tiếp tục phát triển.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của Tổng công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra gồm có:

| TT | Họ và tên | Chức danh | Số lượng cổ phần đại diện và sở hữu (CP) | Ghi chú |
|----|-----------------------|--------------------------|--|---------|
| 1. | Bà Nguyễn Hồng Hải | Trưởng Ban kiểm soát | 0 | |
| 2. | Bà Vũ Thị Quỳnh Trang | Thành viên Ban kiểm soát | 0 | |
| 3. | Ông Nguyễn Trọng Hiện | Thành viên Ban kiểm soát | 0 | |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

- Ban Kiểm soát đã hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Tổng công ty và theo quy định pháp luật.

- Trong 06 tháng cuối năm 2018, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để thực hiện các nhiệm vụ của mình, cụ thể bao gồm:* Giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ lần đầu năm 2018;

* Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành;

* Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật Nhà nước của Tổng công ty;

* Tham gia ý kiến về Dự thảo Quy chế tài chính, Quy chế tiền lương, Quy chế công tác phí... của Tổng công ty

* Rà soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ tại Tổng công ty theo chương trình làm việc của Ban kiểm soát

* Thực hiện thẩm định Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách, Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị của Tổng công ty, đưa ý kiến đóng góp để Tổng công ty khắc phục kịp thời, đảm bảo các báo cáo được lập theo đúng quy định, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính

và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty

- Công tác kiểm tra, giám sát của các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Tổng công ty để giúp đơn vị phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

| TT | Họ và tên | Chức danh | Thù lao (Đồng) | Lương (Đồng) | Thưởng Lễ Tết (Đồng) | Các khoản khác (BHXH, ăn trưa, điện thoại, nghỉ mát) (Đồng) | Ghi chú |
|----|----------------------|--------------|----------------|--------------|----------------------|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Nga | CT HĐQT | 104.680.851 | | 20.000.000 | | 06 tháng |
| 2 | Vũ Thanh Sơn | TV HĐQT, TGD | 52.340.426 | 697.500.000 | 78.750.000 | 71.093.740 | Thù lao HĐQT 06 tháng, Lương TGD 12 tháng |
| 3 | Trần Anh Tuấn | TV HĐQT | 52.340.426 | | 10.000.000 | | 06 tháng |
| 4 | Trần Thị Tuyết Nhung | TV HĐQT | 52.340.426 | | 10.000.000 | | 06 tháng |
| 5 | Nguyễn Thị Thu Hằng | TV HĐQT | 52.340.426 | | 10.000.000 | | 06 tháng |
| 6 | Nguyễn Hồng Hải | TB KS | 52.340.426 | | 10.000.000 | | 06 tháng |
| 7 | Vũ Thị Quỳnh Trang | TV BKS | 26.170.213 | | 5.000.000 | | 06 tháng |
| 8 | Nguyễn Trọng Hiện | TV BKS | 26.170.213 | | 5.000.000 | | 06 tháng |
| 9 | Trần Thị Nguyệt | Thư ký HĐQT | 15.702.128 | | 3.000.000 | | 06 tháng |
| 10 | Dương Thị Lam | Phó TGD, KTT | | 352.050.000 | 58.675.000 | 34.270.000 | 06 tháng |
| 11 | Đình Tiến Thành | Phó TGD | | 328.050.000 | 57.675.000 | 39.573.000 | 06 tháng |
| 12 | Nguyễn Tiến Vượng | Phó TGD | | 621.850.000 | 62.675.000 | 69.601.900 | 12 tháng |
| 13 | Nguyễn Thị Hải Thanh | Phó TGD | | 606.135.000 | 62.675.000 | 67.846.900 | 12 tháng |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ *Transactions of internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn

và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons*).

Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights*).

Theo thuyết minh số 6.2 từ trang 40 đến trang 44 của Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Sau khi đăng ký Công ty đại chúng, Tổng công ty Thương mại Hà Nội đã triển khai áp dụng và tuân thủ các quy định về quản trị Công ty đại chúng ban hành tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/9/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017:

- Đã triển khai xây dựng Quy chế quản lý tài chính và một số Quy chế khác đảm bảo hoạt động quản lý điều hành chung của Tổng công ty;

- Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định đối với cho công ty đại chúng.

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán

Số: 412/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần
cho kỳ hoạt động từ ngày 29/06/2018 đến 31/12/2018

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI HÀ NỘI - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần, được lập ngày 09/04/2019, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 29/06/2018 đến 31/12/2018 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến 28/06/2018 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán, kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 03/2018/CNCPAHN/BCKT-BCTC ngày 19/09/2018 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Như đã trình bày tại mục 1.4 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, kỳ hoạt động từ ngày 29/06/2018 đến 31/12/2018 là kỳ hoạt động đầu tiên của Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - Công ty Cổ phần sau khi chính thức chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần.



Phan Thanh Nam
Pho Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 1009-2018-137-1
Giấy Lý quyền số: 02/2019/QĐ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐTV
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hàng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2019

Nguyễn Ngọc Khánh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 2999-2019-137-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính Công ty mẹ từ 29/6/2018 đến 31/12/2018 đã được kiểm toán được đăng trên địa chỉ website: www.haprogroup.vn

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Vũ Thanh Sơn